

UBND XÃ BA TÔ
PHÒNG KINH TẾ

Số: 88/BC- PKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ba Tô, ngày 10 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc thẩm định dự toán chi tiết thực hiện

Tiểu dự án 2 – Dự án 6; Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 - Dự án 7
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND xã về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước chuyển nguồn sang năm 2025) ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện cũ;

Căn cứ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 09/10/2025 của UBND xã về thực hiện Tiểu Dự án 2 – Dự án 6 và Tiểu Dự án 1, 2 – Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 85/TTr-PKT ngày 04/11/2025 về việc đề nghị phê duyệt dự toán chi tiết thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 6; Tiểu dự án 1 và 2 - Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

Phòng Kinh tế báo cáo như sau:

1. Dự toán do đơn vị lập

Tổng kinh phí: 182,8 triệu đồng, trong đó:

- Tiểu dự án 2 - Dự án 6 với số tiền: 40,8 triệu đồng.
- Tiểu dự án 1 - Dự án 7 với số tiền 97 triệu đồng.
- Tiểu dự án 2 - Dự án 7 với số tiền: 45 triệu đồng.

2. Dự toán được Phòng Kinh tế kiểm tra, đề xuất

Tổng kinh phí: 182,8 triệu đồng, trong đó:

- Tiểu dự án 2 - Dự án 6 với số tiền: 40,8 triệu đồng.
- Tiểu dự án 1 - Dự án 7 với số tiền 97 triệu đồng.
- Tiểu dự án 2 - Dự án 7 với số tiền: 45 triệu đồng.

3. Chênh lệch: 0 triệu đồng

(Chi tiết theo các Phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm).

4. Nhận xét

- Dự toán kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 6; Tiểu dự án 1 và 2 - Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 do Phòng Kinh tế xã lập cơ bản đảm bảo theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Một số nội dung của dự toán được xây dựng trên cơ sở tạm tính (*như chi phí đi lại của người đi học tập, trao đổi kinh nghiệm, người tham gia tập huấn, tiền thuê xe, photo tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống...*). Vì vậy, khi thực hiện phải thanh toán, quyết toán theo thực tế phát sinh.

5. Kiến nghị

Trên cơ sở thẩm định, nhận xét nêu trên, Phòng Kinh tế xã kiến nghị như sau:

5.1. Kính đề nghị UBND xã phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 6; Tiểu dự án 1 và 2 - Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (*Có dự thảo Quyết định kèm theo*).

5.2. Đề nghị Phòng Kinh tế xã:

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn; dự toán được thẩm định là mức tối đa, trên cơ sở tạm tính, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung, đơn giá xây dựng dự toán, số lượng đối tượng tham gia. Trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tình hình thực tế mà đơn vị thực hiện và phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn cung cấp dịch vụ theo quy định. Thực hiện thanh quyết toán theo nội dung thực tế phát sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo cơ cấu vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương theo quy định.

- Đối tượng thực hiện của Chương trình tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước thì chỉ lựa chọn thực hiện theo 01 chương trình, dự án; trong đó ưu tiên lựa chọn thực hiện theo chương trình, dự án có định mức hỗ trợ cao hơn.

- Đối với nội dung tổ chức hội nghị, tập huấn, đơn vị chịu trách nhiệm về số lượng học viên tham gia, số lớp tập huấn và thời gian, địa điểm tổ chức tập huấn đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm; đối tượng và nội dung tập huấn không được trùng lặp với các lớp do Sở Nội vụ tổ chức;

- Đối với nội dung công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo: Đơn vị chịu trách nhiệm trong việc sử dụng số lượng, loại phiếu (phiếu B) đảm bảo theo quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo và các căn cứ để tính mức hỗ trợ cho điều tra viên.

- Theo dõi về số dự toán còn lại không sử dụng hết và chịu trách nhiệm báo cáo cấp thẩm quyền xử lý theo quy định.

Phòng Kinh tế kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, PKT(Thor).



PHỤ LỤC TỔNG HỢP
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2-DỰ ÁN 6, TIÊU DỰ ÁN 1 VÀ TIÊU DỰ ÁN 2-DỰ ÁN 7,
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ: PHÒNG KINH TẾ

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-PKT ngày 10/11/2025 của Phòng Kinh tế xã Ba Tô)

ĐVT: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán tại Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Trong đó		Số đơn vị trình phê duyệt	Số thẩm định	Trong đó		Chênh lệch		Ghi chú
			NSTW	NSTĐP			NSTW	NSĐP	So với dự toán	So với số thẩm định	
1	2	3	4	5	7						
1	Tiêu dự án 2- Dự án 6	41.000.000	36.000.000	5.000.000	40.800.000	40.800.000	35.824.000	4.976.000	-200.000	0	Chi tiết theo Phụ lục số 01
2	Dự án 7	142.000.000	124.000.000	18.000.000	142.000.000	142.000.000	124.000.000	18.000.000	0	0	
	- Tiêu dự án 1	97.000.000	84.000.000	13.000.000	97.000.000	97.000.000	84.000.000	13.000.000	0	0	Chi tiết theo Phụ lục số 02
	- Tiêu dự án 2	45.000.000	40.000.000	5.000.000	45.000.000	45.000.000	40.000.000	5.000.000	0	0	Chi tiết theo Phụ lục số 03
	Tổng cộng	183.000.000	160.000.000	23.000.000	182.800.000	182.800.000	159.824.000	22.976.000	-200.000	0	

BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 6 NĂM 2025
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

ĐƠN VỊ PHÒNG KINH TẾ XÃ BA TÔ

(Kèm theo Báo cáo số 88 /BC-PKT ngày 10/11/2025 của Phòng Kinh tế xã Ba Tô)



ĐVT: đồng

Dự toán đơn vị lập			Dự toán được thẩm định			Chênh lệch	Ghi chú
TT	Nội dung	Thành tiền	TT	Nội dung	Thành tiền		
	TỔNG CỘNG	40.800.000		TỔNG CỘNG	40.800.000		
1	Làm Pano tuyên truyền 2 mặt: chất liệu bằng khung sắt hộp vuông, mặt áp tôn dán decan kẹp V nhôm, bảng 1 mặt, kích thước 3x4(m), chân trụ sắt hộp V3, 30x30sm cao 4m. (3 cái x 13.000.000 đồng)	40.800.000	1	Làm Pano tuyên truyền 2 mặt: chất liệu bằng khung sắt hộp vuông, mặt áp tôn dán decan kẹp V nhôm, bảng 1 mặt, kích thước 3x4(m), chân trụ sắt hộp V3, 30x30sm cao 4m. (3 cái x 13.000.000 đồng)	40.800.000	0	

Tổng kinh phí	40.800.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	đồng
<i>Ngân sách trung ương:</i>	35.824.000 đồng
<i>Ngân sách địa phương</i>	4.976.000 đồng

BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 7 NĂM 2025
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-PKT ngày 10/11/2025 của Phòng Kinh tế xã Ba Tô)



ĐVT: đồng

Dự toán đơn vị lập			Dự toán được thẩm định			Ghi chú	
TT	Nội dung	Thành tiền	TT	Nội dung	Thành tiền		Chênh lệch
	TỔNG CỘNG	97.000.000		TỔNG CỘNG	97.000.000		
I	Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác giảm nghèo	97.000.000	I	Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác giảm nghèo	97.000.000	0	
1	Dự kiến đi ngoài tỉnh 03 ngày, 34 người (10 người hưởng lương; 24 người không hưởng lương tại 14 thôn)		1	Dự kiến đi ngoài tỉnh 03 ngày, 34 người (10 người hưởng lương; 24 người không hưởng lương tại 14 thôn)		0	
2	- Tiền phụ cấp lưu trú người hưởng lương (dùng để chi tiền ăn) (10 người x 3 ngày x 250.000đ)	7.500.000	2	- Tiền phụ cấp lưu trú người hưởng lương (dùng để chi tiền ăn) (10 người x 3 ngày x 250.000đ)	7.500.000	0	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND
3	- Tiền khoán thuê phòng nghỉ (10 người x 3 ngày x 400.000đ)	12.000.000	3	- Tiền khoán thuê phòng nghỉ (10 người x 3 ngày x 400.000đ)	12.000.000	0	
4	- Hỗ trợ tiền phụ cấp lưu trú cho người không hưởng lương (dùng để chi tiền ăn) (24 người x 3 ngày x 250.000đ)	18.000.000	4	- Hỗ trợ tiền phụ cấp lưu trú cho người không hưởng lương (dùng để chi tiền ăn) (24 người x 3 ngày x 250.000đ)	18.000.000	0	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND
5	- Hỗ trợ khoán tiền thuê phòng nghỉ cho đối tượng không hưởng lương (24 người x 2 ngày x 4000.000đ)	28.800.000	5	- Hỗ trợ khoán tiền thuê phòng nghỉ cho đối tượng không hưởng lương (24 người x 2 ngày x 4000.000đ)	28.800.000	0	
6	- Chi mua nước uống: 34 người * 40.000 đ * 3 ngày	2.346.000	6	- Chi mua nước uống: 34 người * 40.000 đ * 3 ngày	2.346.000	0	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
7	- Chi in băng rôn treo xe (1 cái * 500.000 đồng / cái)	500.000	7	- Chi in băng rôn treo xe (1 cái * 500.000 đồng / cái)	500.000	0	
8	- Tiền thuê xe 1 chiếc 45 chỗ ngồi (3 ngày x 9.000.000đ)	27.000.000	8	- Tiền thuê xe 1 chiếc 45 chỗ ngồi (3 ngày x 9.000.000đ)	27.000.000	0	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
9	- Thuốc y tế (thuốc say xe, đau bụng, đau đầu)	854.000	9	- Thuốc y tế (thuốc say xe, đau bụng, đau đầu)	854.000	0	

Tổng kinh phí	97.000.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		đồng
<i>Ngân sách trung ương:</i>	84.000.000	đồng
<i>Ngân sách địa phương</i>	13.000.000	đồng

BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 7 NĂM 2025
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-PKT ngày 10/11/2025 của Phòng Kinh tế xã Ba Tô)



ĐVT: đồng

Dự toán đơn vị lập			Dự toán được thẩm định			Chênh lệch	Ghi chú
TT	Nội dung	Thành tiền	TT	Nội dung	Thành tiền		
A	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	45.000.000	A	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	45.000.000	0	
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI	45.000.000	B	TỔNG DỰ TOÁN CHI	45.000.000	0	
I	Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	45.000.000	I	Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	45.000.000	0	
1	Photo Phiếu A, B	2.540.000	1	Photo Phiếu A, B	2.540.000	0	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
	- Phiếu A, phiếu B (Mẫu 3.2, phiếu B2) A4 1 mặt (100 phiếu A; 800 phiếu B2 x 600 đồng)	540.000		- Phiếu A, phiếu B (Mẫu 3.2, phiếu B2) A4 1 mặt (100 phiếu A; 800 phiếu B2 x 600 đồng)	540.000	0	
	- Phiếu thông tin (Mẫu 3.1, Phiếu B1) A4 2 mặt (800 phiếu x 800 đồng)	640.000		- Phiếu thông tin (Mẫu 3.1, Phiếu B1) A4 2 mặt (800 phiếu x 800 đồng)	640.000	0	
	- Phiếu B (Mẫu 3.7, Phiếu B1) A3 2 mặt (800 phiếu x 1.700 đồng)	1.360.000		- Phiếu B (Mẫu 3.7, Phiếu B1) A3 2 mặt (800 phiếu x 1.700 đồng)	1.360.000	0	
2	Hỗ trợ điều tra viên Phiếu B (bình quân thời gian rà soát 1 hộ là 60 phút, mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng / tháng, 1 ngày làm 8 giờ, 1 tháng 22 ngày)	22.785.000	2	Hỗ trợ điều tra viên Phiếu B (bình quân thời gian rà soát 1 hộ là 60 phút, mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng / tháng, 1 ngày làm 8 giờ, 1 tháng 22 ngày)	22.785.000	0	Khoản 5, Điều 3, Thông tư 109/2016/TT-BTC; Nghị định 74/2024/NĐ-CP
	- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức hưởng lương (775 phiếu x 19.600 * 50% đ / phiếu)	7.595.000		- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức hưởng lương (775 phiếu x 19.600 * 50% đ / phiếu)	7.595.000	0	
	- Hỗ trợ cho người không hưởng lương (775 phiếu x 19.600 / phiếu)	15.190.000		- Hỗ trợ cho người không hưởng lương (775 phiếu x 19.600 / phiếu)	15.190.000	0	
3	Hỗ trợ tổng hợp báo cáo, lập danh sách: 14 người * 200.000 đ / người	2.800.000	4	Hỗ trợ tổng hợp báo cáo, lập danh sách: 14 người * 200.000 đ / người	2.800.000	0	Điểm b, Khoản 1, Điều 3, Thông tư 109/2016/TT-BTC
4	Chi đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra: 4% * (2)	911.000	5	Chi đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra: 4% * (2)	911.000	0	Điểm a, Khoản 9, Điều 3, Thông tư 109/2016/TT-BTC
5	Chi kiểm tra, nghiệm thu phiếu: 3% * (2)	684.000	6	Chi kiểm tra, nghiệm thu phiếu: 3% * (2)	684.000	0	
6	Chi văn phòng phẩm	6.000.000	7	Chi văn phòng phẩm	6.000.000	0	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
7	Tập huấn	9.280.000	7	Tập huấn	9.280.000	0	
	Chi tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo			Chi tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo		0	



TT	Nội dung	Thành tiền	TT	Nội dung	Thành tiền	Chênh lệch	Ghi chú
	- Tiền thuê báo cáo viên cấp xã: 600.000 đ/ngày * 1 ngày	600.000		- Tiền thuê báo cáo viên cấp xã: 600.000 đ/ngày * 1 ngày	600.000	0	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND
	- Photo tài liệu (56 tập x 27.500đ)	1.540.000		- Photo tài liệu (56 tập x 27.500đ)	1.540.000	0	
	- Nước uống (56 người x 40.000đ)	2.240.000		- Nước uống (56 người x 40.000đ)	2.240.000	0	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND
	- Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (49 người x 100.000đ)	4.900.000		- Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (49 người x 100.000đ)	4.900.000	0	

Tổng kinh phí **45.000.000** **đồng**

Trong đó:

Nghân sách trung ương: **40.000.000** **đồng**

Nghân sách địa phương **5.000.000** **đồng**